

Số: 2637 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 19 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn (đợt 8)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 và Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1504/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án sơ bộ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức bị ảnh hưởng do thu hồi đất để phục vụ đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị Long Vân 1;

Căn cứ Quyết định số 4922/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất Dự án: Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để lập phương án bồi thường,

GPMB dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tờ trình số 155/TTr-TTPTQĐ ngày 11/7/2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 853/TTr-STNMT ngày 17/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp cho các hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng (GPMB) để thực hiện dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn (đợt 8), với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **9.413.690.000 đồng** (Chín tỷ, bốn trăm mười ba triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 9.229.108.000 đồng.

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 184.582.000 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 18.458.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 12.921.000 đồng).

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này)

2. Nguồn vốn chi trả: Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt tại Điều 1 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; bàn giao phần diện tích 333,5m² thu hồi đất nông nghiệp nằm ngoài ranh giới quy hoạch của dự án nêu trên cho UBND phường Bùi Thị Xuân quản lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K4, K14, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục

**TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐỂ THỰC HIỆN
DỰ ÁN TRUNG TÂM TRÍ TUỆ NHÂN TẠO - ĐÔ THỊ PHỤ TRỢ TẠI PHƯỜNG TRẦN QUANG ĐIỀU VÀ PHƯỜNG BÙI THỊ XUÂN,
THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 8)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Tổng diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất nông nghiệp BT, HT (m ²)		DT đất không BT, HT	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)				
				Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch		Bồi thường đất nông nghiệp	Hỗ trợ bằng mức bồi thường đất nông nghiệp	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Cây cối, hoa màu	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4) = (5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)= (8)+(11)
1	Hộ ông Nguyễn Văn Cá	Tổ 8, KP5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	1.007,30	1.007,30			163.988.440		447.241.200	4.532.850	615.762.000
2	Đào Văn Hùng	Tổ 7, KP 5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	906,60	906,60			147.594.480		402.530.400	4.079.700	554.205.000
3	Võ Văn Lương	Tổ 9, KP 5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	470,80	470,80			76.646.240		209.035.200	2.118.600	287.800.000
4	Trần Hữu Hạnh (chết) vợ Phan Thị Dễ	Tổ 7, KP 5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	1.443,70	1.443,70			235.034.360		641.002.800	6.267.600	882.305.000
5	Phan Phụng (chết) con Phan Thị Đức ĐĐKK	Tổ 1, KP 2, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	648,40	648,40			105.559.520		287.889.600	2.917.800	396.367.000
6	Phan Thành Tâm	Tổ 9, KP 5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	1.137,70	1.137,70			185.217.560		505.138.800	5.119.650	695.476.000
7	Nguyễn Đình Thành	Tổ 11, KP 7, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	1.171,40	1.171,40			190.703.920		520.101.600	5.271.300	716.077.000

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Tổng diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất nông nghiệp BT, HT (m ²)		DT đất không BT, HT	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)				
				Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch		Bồi thường đất nông nghiệp	Hỗ trợ bằng mức bồi thường đất nông nghiệp	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Cây cối, hoa màu	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4) = (5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)= (8)++(11)
8	Bà Trần Thị Hồng (chết), con Nguyễn Thị Ngọc Linh	tổ 4, KP 5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	928,20	928,20			151.110.960		412.120.800	4.176.900	567.409.000
9	Hộ bà Phan Thị Yễn , đại diện con: Phan Phạm Hùng	Tổ 1, KP 5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	500,20	500,20			81.432.560		222.088.800	2.250.900	305.772.000
10	Hộ ông Nguyễn Muỗi (chết), đại diện con: Nguyễn Văn Minh	Tổ 7, KP 5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	543,70	396,00	147,7		88.514.360		241.402.800	2.375.550	332.293.000
11	Hộ ông Phan Giao (chết) đại diện con: Phan Vĩnh Thế	Tổ 2, KP 5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	986,40	986,40			160.585.920		437.961.600	4.438.800	602.986.000
12	Hộ bà Nguyễn Thị Hận (chết) đại diện con: Nguyễn Quang Đay	Tổ 4, KP 3, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	1.173,20	1.173,20			190.996.960		520.900.800	5.279.400	717.177.000
13	Hộ ông Phan Bá Nhiêu (chết), vợ Nguyễn Thị Du	Tổ 8, KP 5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	1.607,00	1.607,00			261.619.600		713.508.000	7.231.500	982.359.000
14	Hộ bà Huỳnh Thị Gái, con Phan Văn Hùng đại diện	Tổ 8, KP 5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	868,30	868,30			141.359.240		385.525.200	3.907.350	530.792.000
15	Hộ bà Trần Thị Mai, con dâu Nguyễn Thị Thanh Lan ĐĐKK	Tổ 9, KP 5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	470,30	470,30			76.564.840		208.813.200	2.116.350	287.494.000

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Tổng diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất nông nghiệp BT, HT (m ²)		DT đất không BT, HT	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)				
				Trong quy hoạch	Ngoài quy hoạch		Bồi thường đất nông nghiệp	Hỗ trợ bằng mức bồi thường đất nông nghiệp	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Cây cối, hoa màu	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4) = (5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)= (8)++(11)
16	Hộ ông Nguyễn Văn Thấy (chết), đại diện: vợ Nguyễn Thị Thanh Đào, con Nguyễn Thị Bê	Tổ 9, KP 5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	590,50	404,70	185,8		96.133.400		262.182.000	2.657.250	360.973.000
17	Hộ ông Tô Tấn Hưng	Tổ 9, KP 5, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn	644,30	644,30			104.892.040		286.069.200	2.899.350	393.861.000
I	Tổng giá trị BT, HT										9.229.108.000
II	Chi phí GPMB 2%: (I) x 2%										184.582.000
III	Tổng cộng: (I) + (II)										9.413.690.000

